**Tuần 20**

**Tiết 58,59**: **PHẦN II TÁC PHẨM:**

**I.TÌM HIỂU CHUNG:**
**1. Hoàn cảnh ra đờ**

**-** Sau khi quân ta đại thắng, tiêu diệt và làm tan rã 15 vạn viện binh của giặc, Vương Thông buộc phải giảng hòa, rút quân về nước, Nguyễn Trãi thừa lệnh Lê Lợi viết Đại cáo Bình Ngô.
- Đại cáo bình Ngô có ý nghĩa trọng đại như một bản tuyên ngôn độc lập, được công bố vào thánh Chạp, năm Đinh Mùi (tức đầu năm 1428)

**2. Thể cáo**
- Cáo là thể văn nghị luận có từ thời cổ ở Trung Quốc, thường được vua chúa hoặc thủ lĩnh dùng để trình bày một chủ trương, một sự nghiệp, tuyên ngôn một sự kiện để mọi người cùng biết.
- Cáo có thể viết bằng văn xuôi hay văn vần nhưng phần lớn được viết bằng văn biền ngẫu, có vần hoặc không có vần, thường có đối, câu dài ngắn không gò bó, mỗi cặp hai vế đối nhau.

- Lời lẽ đanh thép, lí luận sắc bén, kết cấu chặt chẽ, mạch lạc.
**3. Bố cục (4 phần)**
- Phần 1 (từ đầu đến “chứng cớ còn ghi”): Luận đề chính nghĩa

- Phần 2 (tiếp đó đến “Ai bảo thần dân chịu được”): Tố cáo tội ác của kẻ thù.
- Phần 3 (tiếp đó đến “Cũng là chưa thấy xưa nay”): Lược thuật cuộc khởi nghĩa Lam Sơn
- Phần 4 (còn lại): Lời tuyên bố độc lập
**4. Giá trị nội dung**
    Đại cáo bình Ngô là bản tuyên ngôn độc lập, qua đó vạch tội ác của kẻ thù xâm lược, ca ngợi thắng lợi của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn
**5. Giá trị nghệ thuật**
- Lí luận chặt chẽ, hợp lí lời lẽ hùng hồn
- Sự kết hợp hài hòa giữa yếu tố chính luận và yếu tố văn chương
- Sử dụng các biện pháp nghệ thuật: liệt kể, phóng đại, so sánh, đối lập…
**II. ĐỌC HIỂU VĂN BẢN:**
    **1. Luận đề chính nghĩa**
        **a) Tư tưởng nhân nghĩa là tiền đề cơ sở lí luận cho cuộc kháng chiến**
- Nhân nghĩa có nghĩa thương người mà làm theo lẽ phải. *(nhân* là lòng thương người, *nghĩa* là lẽ phải)

- Nhân nghĩa là mối quan hệ tốt đẹp của con người.
- Nhân nghĩa trong tư tưởng của Nguyễn Trãi:

*“Việc nhân dân nghĩa cốt ở yên dân*

*Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”*

   + *Yên dân*: nhân dân được sống yên bình, hạnh phúc trong một đất nước độc lập
    + *Trừ bạo*: diệt kẻ tàn bạo xâm lược đất nước và bọn tham tàn trong nước
        ⇒ Cốt lõi của tư tưởng nhân nghĩa là lấy dân làm gốc, vì dân mà diệt trừ bọn tàn bạo.
      **b) Chân lí về độc lập dân tộc**
- Nguyễn Trãi khẳng định mỗi dân tộc có quyền bình đẳng vì mỗi dân tộc đều có: nền văn hiến riêng, có phong tục tập quán, có các triều đại làm chủ, có các anh hùng hào kiệt
        ⇒ Các dân tộc có quyền bình đẳng như nhau.

 Lời văn khẳng định quyền độc lập, tự chủ của dân tộc.

+ Biểu hiện: tên đất nước, nền văn hóa riêng, bờ cõi, phong tục, nền chính trị, nhân tài.

=> Khái niệm khá hoàn chỉnh về quốc gia (so với các tác phẩm trước Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ).

+ Giọng văn: sảng khoái, tự hào.

+ Cách viết: câu văn biền ngẫu “Từ Triệu, Đình, Lí, Trần… Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên..” -> bình đẳng, ngang hàng (đế).

⇒ Thể hiện ý thức cao độ về độc lập chủ quyền của tác giả.
=> Cuộc chiến đấu của ta là chính nghĩa.

**2. Tố cáo tội ác của kẻ thù:**
- Giặc Minh xâm lược, cai trị nước ta và gây ra biết bao tội ác:
    + Lừa dối nhân dân ta
    + Tàn sát dã man những người vô tội
    + Bóc lột nhân dân ta bằng chế độ thuế khóa nặng nề
    + Bắt phu phen, phục dịch
    + Vơ vét của cải
    + Hủy hoại nền văn hóa Đại Việt

Tội ác man rợ nhất của giặc Minh được miêu tả trong câu:

 « Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn

Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ »

Đây là hình ảnh vừa cụ thể, lại vừa khái quát như một lời cáo trạng, lời buộc tội.

=> Lột tả tội ác tày trời của giặc, làm rõ sự bất nhân ,phi nghĩa của bọn chúng. Đó cũng là lí do vì sao nhân dân ta phải kháng chiến.

- Thái độ căm phẫn của nhân dân:
    + Hình ảnh phóng đại “trúc Nam Sơn không ghi hết tội, nước Đông Hải không rửa sạch mùi” lấy cái vô cùng của tự nhiên để nói về tội ác của giặc Minh.
    + Câu hỏi tu từ “lẽ nào...chịu được”: Tội ác không thể dung thứ của giặc

⇒ Bản cáo trạng đanh thép về tội ác dã man của giặc minh, đồng thời là thái độ căm phẫn, tức giận khôn cùng của nhân dân ta

**3. Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn**
        **a) Hình ảnh người anh hùng Lê Lợi**
- Nguồn gốc xuất thân: là người nông dân áo vải “chốn hoang dã nương mình”
- Lựa chọn căn cứ khởi nghĩa: “Núi Lam Sơn dấy nghĩa”

+ Tập trung miêu tả về nội tâm: ngẫm, đau lòng nhức óc, nếm mật nằm gai, giận, suy xét, đắn đo, trằn trọc, băn khoăn.

=> Chân dung tâm trạng Lê Lợi: lòng yêu nước, căm thù giặc, quvết tâm cao, nung nấu nghiền ngầm chí lớn, là người nhìn xa trông rộng.

+ Hình tượng Lê Lợi có sự gởi gắm tâm trạng của Nguyễn Trãi, của toàn dân

=> chân thực, xúc động.

⇒ Lê Lợi vừa là người bình dị vừa là anh hùng khởi nghĩa.

   **b) Cuộc khởi nghãi Lam Sơn**

**–** Khó khăn trong buổi đầu kháng chiến:

+ Chênh lệch về lực lượng: ta yếu, địch mạnh.

+ Thiếu thốn về vật chất.

+ Hiếm nhân tài.

* Cách khắc phục:

+ Ý chí, tấm lòng cầu hiền.

+ Có chiến lược, chiến thuật đúng đắn:

+ Quân sự :đánh bất ngờ, đánh nhanh.

+ Tư tưởng: Dựa vào sức mạnh nhân dân.

+ Chính trị : Lấy nhân nghĩa làm cơ sở đem đai nghĩa để tháng hung tàn , lấy chí nhân để thay cường bạo..

– Giọng điệu: trầm lắng, suy tư

. **- Lược thuật chiến thắng**    + Những trận tiến quân ra thắng : trận Bồ Đằng- Trà Lân, trận Tây Kinh, Đông Đô, trận Ninh Kiều, Tốt Động
    + Chiến dịch diệt chi viện: trận Chi Lăng, Mã Yên, Xương Giang
        ⇒ Biện pháp liệt kê tái hiện không khí chiến trận máu lửa, sục sôi với những chiến thắng giòn giã liên tiếp của quân ta cũng như sự thất bại nhục nhã, ê trề của địch.
- Thất bại của giặc Minh:
    + Nghệ thuật cường đại, nói quá miêu tả những thất bại thảm hại của giặc.
    + Binh lính cởi áo giáp xin hàng
    + Tướng giặc tham sống sợ chết cởi áo giáp xin hàng
- Khí thế và cách ứng xử của quân, dân ta:
    + Nghệ thuật cường điệu: Gươm mài đá, đá núi phải mòn….
    + Cách ứng xử vừa khôn khéo vừa nhân nghĩa của nghĩa quân: “Thần vũ chẳng giết hại … nghỉ sức”
        ⇒ Nghệ thuật đối lập đã thể hiện rõ những nét đối cực trong cuộc chiến giữa ta và địch, từ tính chất cuộc chiến cho đến khí thế, sức mạnh, những chiến công và cách ứng xử

  **4. Lời tuyên bố độc lập:**
- Giọng điệu trang trọng, hào sảng cho thấy niềm tin và những suy tư sâu lắng của tác giả

– Một loạt các từ tả vũ trụ -> cảm hứng độc lập dân tộc được nâng lên gắn liền với cảm hứng vũ trụ bao la vĩnh hằng. Mặt khác thể hiện ý thức về sự thiêng liêng tôn kính lịch sử.

**III. TỔNG KÊT** : GHI NHỚ ( SGK )

Tuần 20, Tiết 60

**TÍNH CHUẨN XÁC VÀ HẤP DẪN CỦA VĂN BẢN THUYẾT MINH**

I.Tính chuẩn xác trong văn bản thuyết minh:

1. Tính chuẩn xác và một số biện pháp đảm bảo tính chuẩn xác của văn bản thuyết minh:

- Văn bản thuyết minh cần phải chuẩn xác. Để đảm bảo yêu cầu này, những tri thức trong văn bản phải có tính khách quan,khoa học, đáng tin cậy. Có thế mới thực sự có ích cho người đọc, người nghe.

2. Luyện tập:

- Thực hiện yêu cầu bài luyện tập trang 24. 25.

II. Tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh:

1.Tính hấp dẫn và một số biện pháp tạo tính hấp dẫn của văn bản thuyết minh:

- Văn bản thuyết minh cần phải hấp dẫn để thu hút sự chú ý theo dõi của người đọc, người nghe. Muốn thế cần sử dụng nhiều hình tượng sinh động, nhiều so sánh cụ thể, và câu văn phải biến hoá linh hoạt. những sự tích, những truyền thuyết thích hợp cũng làm cho văn bản thuyết minh thêm hấp dẫn và sâu sắc.

2. Luyện tập:

- Thực hiện các yêu cầu của hai đoạn văn (1), (2) trang 26.

III. Luyện tập:

-Thực hiện các yêu cầu phần luyện tập trang 27.